

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa năm 2022
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-BNN-TT ngày 09/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn quốc năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 101/TTr-SNN&PTNT ngày 18/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh năm 2022; theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT (qua Cục Trồng trọt) về kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2022 tại địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Trồng trọt và BVTV;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\05 25 ban
hành kế hoạch chuyển đổi cây trồng trên đất lúa năm
2022.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG
LÚA NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**
(Kèm theo Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 26 /5/2022 của UBND tỉnh
Quảng Nam)

TT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Loại hình chuyển đổi		
			Cây hàng năm (ha)	Cây lâu năm (ha)	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (ha)
1	Đại Lộc	182	56	56	14
2	Hội An	5	5	0	0
3	Duy Xuyên	100	100	0	0
4	Thăng Bình	370	220	50	50
5	Quế Sơn	120	80	20	0
6	Nông Sơn	22	12	5	0
7	Hiệp Đức	34	24	4	2
8	Tiên Phước	48	18	15	0
9	Tam Kỳ	46	26	10	0
10	Núi Thành	100	40	15	30
11	Đông Giang	22	12	5	0
12	Nam Giang	22	2	10	0
13	Phước Sơn	150	150	0	0
14	Nam Trà My	55	15	20	0
15	Bắc Trà My	42	32	4	2
Tổng cộng		1.318	792	214	98

Ghi chú:

- Tổng số = Cây hàng năm + Cây lâu năm x 2 (lần) (để quy ra diện tích gieo trồng) + Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (NTTS).
- Cây hàng năm: Tính theo diện tích gieo trồng.
- Trồng lúa kết hợp NTTS: Tính theo diện tích gieo trồng.
- Cây lâu năm: Tính theo diện tích canh tác.